

Số: 10 /QĐ-SNN

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 01 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022  
của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 6871/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1358/QĐ-UBND Ngày 03 tháng 4 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 6871/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-SNN ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và Quản lý xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và Quản lý xây dựng công trình và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTCXD, Hương,02.



**Nguyễn Phú Ban**



Đơn vị: Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn  
 Chương: 412

**PHỤ LỤC**  
**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-SNN ngày 11 tháng 01 năm 2022  
 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
<b>A</b>	<b>Thu ngân sách nhà nước</b>	<b>2.000</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>2.000</b>
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>2.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Lệ phí</b>	-
<b>1.2</b>	<b>Phí</b>	<b>2.000</b>
	Phí thẩm định dự án đầu tư (Th.kế K.thuật)	2.000
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>2.000</b>
<b>2.1</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	-
<b>2.2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>2.000</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.000
<b>II</b>	<b>Thu khác (Số nộp ngân sách)</b>	-
<b>B</b>	<b>Dự toán chi NSNN</b>	<b>41.207.000</b>
<b>I</b>	<b>Quản lý hành chính (Loại 340 khoản 341)</b>	<b>7.892.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>6.536.000</b>
<b>2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>1.356.000</b>
	Trong đó: - Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	85.000
	- KP xây dựng các Đề án phát triển Kinh tế - Xã hội	1.080.000
<b>II</b>	<b>Sự nghiệp</b>	<b>33.315.000</b>
<b>1</b>	<b>Các hoạt động kinh tế</b>	<b>27.983.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp ngành</b>	-
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ngành (Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên)</b>	<b>3.940.000</b>
a	Kinh phí hoạt động sự nghiệp Nông nghiệp (Loại 280 khoản 281)	2.350.000
b	Kinh phí hoạt động sự nghiệp Lâm nghiệp (Loại 280 khoản 282)	1.090.000
c	Kinh phí hoạt động sự nghiệp Thủy lợi (Loại 280 khoản 283)	500.000
d	Kinh phí hoạt động sự nghiệp Thủy sản (Loại 280 khoản 284)	
<b>1.3</b>	<b>Kinh phí thực hiện các Đề án, Kế hoạch, Chương trình (Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên)</b>	<b>24.043.000</b>
a	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (Loại 280 khoản 283)	6.053.000
b	Kinh phí thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn (Loại 280 khoản 281)	5.000.000
c	Kinh phí thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp (Loại 280 khoản 281)	4.000.000



STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
d	Kinh phí đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (Loại 280 khoản 281)	250.000
đ	Kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 (Loại 280 khoản 282)	8.740.000
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp Bảo vệ môi trường (Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên) (4)</b>	<b>5.332.000</b>
2.1	Kinh phí dọn vệ sinh môi trường tại Ấu thuyền và Cảng cá Thọ Quang (Loại 250 khoản 261)	4.900.000
2.2	Kinh phí thực hiện Đề án xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường (Loại 250 khoản 278)	432.000
	<b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>	<b>1020480</b>
	<b>Kho bạc nhà nước nơi giao dịch</b>	<b>KBNN Đà Nẵng</b>



maintk-18/01/2022 16:16:46-maintk-maintk